

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 08/2022/HSST
Ngày: 20/4/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa ông: **Ngô Trung Thực.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Công Hùng,
Nghề nghiệp: Hưu trí;
2. Ông: Trương Công Chự,
Nghề nghiệp: Hưu trí;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông: **Hà Đức Quang** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Prông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông tham gia phiên tòa bà: **Mai Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HS ngày 29/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; tại huyện V, tỉnh B;

Nơi ĐKKHKT: Làng I, xã B, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Làng T, xã L, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông, dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị X. Bị cáo có vợ là Trương Thị Thúy A, sinh năm 2000 và có 01 con sinh ngày 20/01/2020;

-Tiền án: Ngày 12/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C P xử phạt 30 tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Ngày 17/10/2016 chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại địa phương. Đã được xóa án tích.

-Tiền sự: Không.

-Bị tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 05/01/2020 đến ngày 28/8/2020 được tại ngoại. Ngày 11/6/2021 bị bắt lại; Bị cáo hiện tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Làng T, xã L, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Làng T, xã L, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Đặng Ngọc A, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Phan Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Làng T, xã L, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Đoàn Cao S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Đoàn Cao T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

7. Lý Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Làng T, xã L, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

8. Lý Kim C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

9. Lê Phước V, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Triệu Văn H, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội S, Công ty cao su CP, xã M, huyện C P, Gia Lai.

2. Triệu Sinh T, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

3. Nông Văn K, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Làng T, xã L, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

4. Tô Văn P, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Làng G, xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

5. Phan Tại S, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: 66/33 Lý Chính T, phường C, thành phố P, Gia Lai.

6. Nguyễn Quang C, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

7. Nguyễn Huy K, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

8. Nguyễn H Đ, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn T (sinh năm 1990 trú tại làng T, xã L, huyện CP) cùng Triệu Văn H (sinh năm 1998 trú tại đội S công ty cao su C P, xã M, huyện C P), Triệu Sinh T (sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã L, huyện C P), Lê Phước V (sinh năm 2001, trú tại thôn T, Tân An, Đ) là bạn bè. Nguyễn Văn T có sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thúy A tại phòng trọ tại làng T, xã L, huyện C P. Phòng trọ này do bố chị A thuê cho T và chị A ở. Tuy nhiên, khi mang thai, chị A chuyển về nhà bố mẹ cùng làng ở, nên phòng trọ trên T cho T, H, V ở nhờ, còn T lúc ở nhà bố mẹ vợ, lúc ở phòng trọ cùng nhóm bạn.

Vào khoảng tháng 12 năm 2019, T có gặp bạn là Tô Văn P (sinh năm 1986 trú làng G, I, huyện CP) tại quán cà phê, T hỏi P có biết ai bán pháo không thì P cho T số điện thoại 0328022436 để hỏi mua pháo, số điện thoại trên P lấy được trên trang facebook tên là “Gia Lai pháo”. Sau đó, T liên lạc trực tiếp với người này trao đổi về việc mua bán pháo nhưng chưa thống nhất mua bán. Đến sáng ngày 03/01/2020, người bán pháo gọi điện thoại cho T nói “*Anh ra phố bữa nay em để lại pháo giá rẻ cho*”, T hỏi “*Giá bao nhiêu*”, người bán pháo trả lời “*700.000*”

đồng/hộp”. Trước đó, có vài người nhắn tin, gọi điện hỏi T mua pháo, qua tham khảo giá thì T biết 1 hộp pháo có giá bán ra khoảng 800.000 đồng – 900.000 đồng/hộp. Thấy việc mua bán có lời nên T đồng ý mua. Hai bên thống nhất mua bán pháo số lượng 30 hộp. Sau đó, T bắt đầu đi gom tiền để đi mua pháo. Chiều tối ngày 03/01/2020, T có gặp ông Nguyễn Thanh T trú tại làng T, xã L, T hỏi ông T “*có chơi pháo ngày Tết không*” thì ông T hỏi giá thì nói “*có thì bán cho tôi vài hộp chơi tết*”, ông T hỏi giá thì T nói 900.000 đồng một hộp. Nghe vậy, ông T đưa cho T số tiền là 900.000 đồng (ứng trước một hộp). Sau đó, T đến gặp bạn là Đặng Ngọc A (sinh năm 1994 trú thôn T, G, huyện C P) để mượn số tiền 3.500.000 đồng. Trước đó A cũng có nhu cầu mua pháo về chơi nên đã nhắn tin cho T qua facebook hỏi mua 10 hộp pháo.

Khoảng 20 giờ ngày 03/01/2020, T có nói với V, T, H là đi ra phố chơi, tất cả đều đồng ý và đi theo T. T, V, T, H có đến thuê xe nhãn hiệu Chervolet BKS 77A-033.50 của anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Th) trú làng T, xã L, V là người lái xe ô tô chở tất cả ra thành phố P. Trên đường tìm đến chỗ hẹn gặp người bán pháo thì gặp một số người bạn cùng trú tại xã L là L, N, U, em của U (chưa rõ nhân thân lai lịch) rủ vào nhậu, T liên lạc với người bán pháo về tại quán trên để cùng nhậu luôn. Khoảng 10 Phút sau thì có 2 người thanh niên đến gồm 1 người bán pháo và 1 người tên K cùng đến quán, sau khi nhậu xong, người bán pháo và K nói với T “*Tỉ có gì liên lạc với số điện thoại có số đuôi là 996, tên X để lấy pháo*” rồi 2 thanh niên đó đi về, còn T cùng bạn đi hát karaoke. Sau khi hát xong thì tất cả nghỉ và đi về, riêng N xin đi nhờ xe T về nhà tại L. Lúc này, khoảng 01 giờ 30 Phút ngày 04/01/2020, T liên lạc lại với người bán pháo thì được chỉ dẫn đến khu vực giáp ranh giữa thành phố P với huyện G để chờ, tất cả ngủ trên xe. Đến khoảng 4 giờ sáng thì người bán pháo gọi cho T chỉ dẫn đến ngã tư trường L. Xe chở nhóm T đến khu vực trên thì gặp 2 người đàn ông mang khẩu trang đi xe máy. T xuống xe, đi ra phía sau xe đến chỗ 2 người thanh niên, trong đó có 1 người tên X, T đưa số tiền 19.000.000 đồng cho X, nợ lại 2.000.000 đồng. Sau đó, X và người đi cùng đi xe máy dẫn đường cho xe của T đến khu vực bãi đất trống thuộc địa phận làng K, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai rồi đi thẳng. Khi thấy người thanh niên ra hiệu thì V tự động dừng xe, T, T1, H xuống xe mỗi người khiêng 1 thùng các tông chứa pháo để sẵn trên mặt đất lên xe.

Trên đường đi về nhà, T có nói “*Lấy ra một hộp xem bê tông hay pháo*”. Lúc này, T đưa 01 con dao (được làm bằng lưỡi lê) ra phía sau, H cầm lê và rạch 1 thùng giấy lấy ra 1 hộp đưa cho T, T ngửi thấy mùi thuốc pháo nên nói “*Chắc là pháo đấy*” rồi đưa lại cho H cất ra sau. Khi xe về đến phòng trọ trời vừa sáng, T, H mỗi người khiêng 1 thùng pháo vào phòng, N đi về nhà, còn T và V điều khiển xe đi đổ xăng và trả xe, lúc này trên xe vẫn còn 1 thùng pháo. Sau khi trả xe, T, H, T, V đi đến quán ăn sáng (thói quen của mọi người là đi đến quán nhà bà H cùng xã để ăn sáng) tại quán T có nói là “*Cầm 7 hộp xuống nhà cho ông T*”, lúc này cả nhóm đều nghe. Sau đó, H lấy 7 hộp pháo giao cho ông T, ông T đưa cho H số tiền là 5.400.000 đồng, H mang về đưa cho T. Do không biết H đã giao pháo cho ông T nên T lấy 1 thùng pháo đã bóc dỡ tại phòng trọ đi đến nhà ông T, khi đến nơi T phát hiện trong thùng chỉ có 3 hộp pháo nên về phòng lấy thêm 4 hộp nữa, khi

xuống đưa cho ông T thì ông T nói H đã giao rồi. T mang hết số pháo về phòng trọ rồi đi ăn sáng cùng với T, H, V. Sau khi ăn sáng xong khoảng 9 giờ, T chạy về đi chở cát thuê. Một lúc sau, A gọi cho T nói mang 5 hộp pháo cho A, A nói với T đã gọi trước cho T rồi. Nghe vậy, T lấy 5 hộp pháo điều khiển xe đưa pháo đồng thời trả xe máy cho A (do T mượn xe máy của A trước đó), khi gặp A, A nói để chở T về do không có xe, trên đường đi T chở Ánh đưa số pháo trên cho bạn Ánh tên là Nguyễn Quang C (sinh năm 1992, trú thôn K, xã IP) để nhờ cất giữ hộ.

Khoảng 13 giờ ngày 04/01/2020, người bán pháo gọi cho T đòi 2.000.000 đồng còn thiếu và nhắn tin số tài khoản qua cho T. Đến tối, T đến tiệm điện thoại Trường Sơn, nhờ chủ quán là anh Đoàn Cao T (sinh năm 1985 trú thôn N, xã P) chuyển khoản vào số tài khoản mà người bán pháo cung cấp số tài khoản tên Phan Tai S số tiền 2.000.000 đồng để trả nợ. Sau đó, T đi nhậu với bạn rồi đến quán karaoke T, xã L thì gặp T, H, Bình, V, Ng. Khoảng 19 giờ, khi đang hát tại phòng thì người bán pháo liên lạc với T nói *“Bị bùng hàng, gom 45 triệu ra, còn lại em cho nợ”*, T nói *“Giờ đêm rồi, xoay đâu ra 45 triệu”* thì người bán pháo nói *“Xoay được bao nhiêu thì xoay, em cho nợ lại, chỗ anh em làm ăn úy tín”*. T đồng ý và nói *“Xoay được bao nhiêu rồi ra đó tính”*. Sau khi ra ngoài nghe xong điện thoại, T quay lại phòng hát và nói mọi người nghỉ. Lúc ra khỏi quán để về thì T nói với H, V mượn điện thoại đi cầm cố điện thoại T, tuy nhiên không nói rõ là cầm điện thoại lấy tiền làm gì. Sau đó T có gọi điện cho chủ tiệm điện thoại S là anh Đoàn Cao S (sinh năm 1985 trú thôn N, P) để V và H cầm cố 2 chiếc điện thoại được số tiền 5.000.000 đồng rồi quay về đưa tiền cho T. T gọi điện cho bạn tên H mượn 8.000.000 đồng rồi chở T về phòng trọ. T gọi điện cho mẹ vợ là Phan Thị Tr (sinh năm 1974 trú làng T, L) để nhờ chuyển khoản cho số tài khoản chủ tài khoản là Phan Tai S số tiền 3.000.000 đồng, bà Tr có đến nhờ anh Lý Văn T (sinh năm 1986 trú làng T, xã L) là người quen để thực hiện chuyển tiền trên ứng dụng smart banking trên điện thoại di động. T gọi điện nhờ anh Lý Kim C (sinh năm 1988 trú thôn T, P) là bạn bè quen biết để mượn tiền và cũng chuyển vào số tài khoản trên số tiền là 5.000.000 đồng.

Sau khi chuẩn bị xong tiền, vào khoảng 23 giờ T gọi điện cho anh Nguyễn Văn Th là tài xế lái xe dịch vụ thuê xe chở T ra thành phố Pleiku có việc. Lúc này, T, V ở phòng trọ còn T chở H đi xuống nhà bạn là T, sau khi chở H đến nơi T quay về phòng trọ thì gặp T1 đứng phía ngoài, T nói T1 chở H về đi ra phố. T quay lại chở H về và cùng T lên xe ô tô màu đen 7 chỗ nhãn hiệu Iusuzu BKS 81K- 0568 do anh Th điều khiển, V ở lại phòng trọ không đi. Trong suốt quá trình chuẩn bị tiền và di chuyển ra thành phố P, T không nói cho ai biết về việc đi mua pháo.

Khi đi đến thành phố P, tất cả cùng vào ăn khuya tại quán ăn bên đường L. Tại đây, T ra ngoài tiếp tục liên lạc với người bán pháo để thông báo là đã đến thành phố P, người này chỉ dẫn T đến trước bên xe Đ đứng chờ. Sau đó, tất cả cùng đi trên xe ô tô đến trước bên xe Đ đợi như theo chỉ dẫn. Khoảng 10 Phút sau T nhận được cuộc gọi từ số điện thoại trên nói là sẽ có 1 chiếc ô tô màu trắng tắt đèn cứ đi lên xe. T xuống xe đứng chờ trước thì có xe ô tô màu trắng đến. Thấy vậy, T lên xe, trong xe có 01 người lái xe và 01 người đã liên lạc bán pháo cho T. Anh Th lái xe đi theo xe ô tô màu trắng mà T đang đi thì người bán pháo yêu cầu không

cho ô tô đi theo nữa. T gọi cho Th nói là xe đứng chờ ở ngã tư Trường L thành phố P. Trên xe, người bán pháo nói T đưa tiền trước để còn sắp xếp, T đưa cho người này 20.000.000 đồng. Người này nói “*ít vậy*”, T nói “*Tối mà xoay đầu ra*” người này nói “*Ừ để tôi sắp xếp*”.

Chiếc xe màu trắng chở T đi đến khu vực ngã tư đường H, T thuộc thôn 3, xã Diên P, thành phố P thì gặp 1 người thanh niên khác đứng đợi bên đường thì xe dừng lại. Tại đây người lái xe và người bán pháo vác 1 bao tải màu xanh lên xe ô tô rồi xe chạy đi, (chiếc bao tải lấy từ bụi rậm gần đó). Sau đó, người thanh niên nói T gọi xe quay lại. T gọi cho Th đến, anh Th không tìm được đường đi nên người bán pháo có chỉ đường cho Th. Khi xe Th đến T ra hiệu quay đầu xe, anh Th điều khiển xe quay đầu, H và T xuống xe. T khiêng 1 bao tải lên xe. Thấy vậy, T, H mỗi người khiêng 1 bao lên xe rồi tất cả lên xe đi về xã L, huyện C Pr. Lúc này khoảng 4 giờ ngày 05/01/2020.

Vào lúc 05 giờ ngày 05/01/2020, Tổ công tác Công an huyện CP trong khi đi tuần tra phát hiện chiếc xe ô tô BKS 81K-0568 khả nghi nên đã tiến hành yêu cầu kiểm tra thì phát hiện và bắt quả tang đối với Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn T, Triệu Sinh T, Triệu Văn H. Tang vật thu giữ được gồm 03 bao tải màu xanh bên trong có chứa 50 khối hộp vuông nghi pháo khi cân lên có T lượng 86kg (Loại cân đồng hồ 100kg Nhơn Hòa), 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Iusuzu BKS 81K-0568.

Sau khi biết tin T bị lực lượng công an bắt, ông Nguyễn Thanh T và Đặng Ngọc A đã mang số pháo mua của T vứt bỏ xuống suối.

Ngày 06/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C P ra Quyết định trưng cầu giám định số 07, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai giám định pháo.

Tại Bản kết luận giám định số 128 ngày 13/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận “*50 hộp bên ngoài dán giấy màu in chữ BILLION LIVE KS4-4911L-49SHOTS bên trong mỗi hộp có 49 vật hình trụ, màu xám đường kính 2,3cm, dài 10cm, các vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau, đựng trong 2 thùng các tông gửi giám định là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt bay lên cao, gây tiếng nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng 86,6kg*”

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 40 hộp giấy và 196 vật hình trụ trong 8 hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ BILLION LIVE KS4-4911L-49SHOTS” còn lại sau khi trích mẫu giám định đựng trong 2 thùng các tông bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông”.

Về vật chứng:

- 40 hộp giấy và 196 vật hình trụ trong 8 hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ “**BILLION LIVE KS4-4911L-49SHOTS**” có khối lượng 76,2 kg. Được niêm phong trong 02 thùng giấy các tông có dấu hình tròn nội dung “**PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH GIA LAI**” và các chữ kí ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Thành Long và Huỳnh Văn Tiến. 03 bao tải màu xanh chứa pháo, mỗi bao kích thước (70 x 120)cm. Đây là tang vật vụ án cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 có số IMEI 1 là 356646103042842, số IMEI 2 là 356647103042840, kiểu máy SM-A505F/DS màu trắng 64GB, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là phương tiện bị can T sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Phước V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S có màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng của Triệu Văn H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông thu giữ từ tiệm điện thoại của anh Đoàn Cao Sơn. Kết quả điều tra không xác định 02 chiếc điện thoại trên được sử dụng vào việc phạm tội, anh Đoàn Cao S không có lỗi khi cầm cố điện thoại nên cần trao trả cho anh Đoàn Cao S.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, bên trong có gắn một thẻ sim, số dãy số trên thẻ sim là 8401,2002,3394,0157 hiệu Mobifone, điện thoại đã qua sử dụng. Điện thoại không biết mật khẩu nên không mở được số Imei và không kiểm tra bên trong máy. Là tài sản của Nguyễn Văn T, cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

Đối với các vật chứng trên hiện đang tạm giữ để bảo đảm việc xét xử và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc xe ô tô Isuzu màu đen BKS 81K1-0568. Đây là chiếc xe thuộc sở H của anh Nguyễn Văn Th. Quá trình điều tra xác định, anh Th không đồng phạm với T về hành vi mua bán pháo. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện C P đã trả lại cho chủ sở H theo quy định.

- Đối với số pháo mà Nguyễn Văn T mua vào đêm ngày 02/01/2020 rạng sáng ngày 03/01/2020 mang về để phòng trọ tại làng T, xã L, huyện C P và số pháo đã giao cho ông Nguyễn Thanh T và Đặng Ngọc A (Ông T và A đã vứt đi sau khi nghe tin T bị lực lượng Công an bắt). Cơ quan CSĐT Công an huyện C P đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 11 tháng 9 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện C P và công văn số 96/CV-VKS ngày 12/11/2021 giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

-Đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

-Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 190; Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bổ sung bị cáo: Nguyễn Văn T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

-Về vật chứng:

+Đề nghị tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau: 40 hộp giấy và 196 vật hình trụ trong 8 hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ “BILLION LIVE KS4-4911L-

49SHOTS” có khối lượng 76,2 kg. Được niêm phong trong 02 thùng giấy các tông có dấu hình tròn nội dung “**PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH GIA LAI**” và các chữ kí ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Thành Long và Huỳnh Văn Tiến. 03 bao tải màu xanh chứa pháo, mỗi bao kích thước (70 x 120)cm. Đây là vật chứng của hành vi buôn bán hàng cấm;

+Đề nghị tịch thu sung công quỹ những vật chứng sau: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 có số IMEI 1 là 356646103042842, số IMEI 2 là 356647103042840, kiểu máy SM-A505F/DS màu trắng 64GB, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công.

Đề nghị trả lại cho anh Đoàn Cao Sơn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Phước V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S có màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng của Triệu Văn H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông thu giữ từ tiệm điện thoại của anh Đoàn Cao Sơn. Kết quả điều tra không xác định 02 chiếc điện thoại trên được sử dụng vào việc phạm tội, anh Đoàn Cao Sơn không có lỗi khi cầm cố điện thoại nên cần trao trả cho anh Đoàn Cao Sơn.

Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông đã xử lý, việc xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

Đề nghị bảo thủ để bảo đảm cho công tác thi hành án 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, bên trong có gắn một thẻ sim, số dãy số trên thẻ sim là 8401,2002,3394,0157 hiệu Mobifone, điện thoại đã qua sử dụng. Điện thoại không biết mật khẩu nên không mở được số Imei và không kiểm tra bên trong máy. Là tài sản của Nguyễn Văn T.

Đối với số tiền 9.800.000 đồng mà bị cáo bán pháo ngày 03/01/2020 cho T và A. Bị cáo đã tác động và nhờ bạn bè của bị cáo là Nguyễn Thanh T nộp lại tại Chi cục thi hành án theo biên lai số 0001010 ngày 20/4/2022. Đây là số tiền thu lợi bất chính vì vậy cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ và lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng, đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Bị cáo Nguyễn Văn T biết việc buôn bán pháo (mặt hàng Nhà nước cấm mua bán) là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho bản thân, khi khách có nhu cầu mua pháo về chơi tết thì bị cáo đã liên hệ với số điện thoại 0328022436 mà Tô Văn P cho T để hỏi mua pháo, số điện thoại trên P lấy được trên trang facebook tên là “Gia Lai pháo”. Mục đích về bán lại kiếm lời vì vậy hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Buôn bán hàng cấm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Việc làm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải có biện pháp giáo dục đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

[3.] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính là 9.800.000 đồng, bị cáo là lao động chính trong gia đình có nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Căn cứ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo rèn luyện, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4.] Đối với những người có liên quan bao gồm:

- **Đối với người bán pháo cho T:** Quá trình điều tra chưa xác định được người bán pháo cho T. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

- **Đối với hành vi của Triệu Sinh T và Triệu Văn H:** Qua điều tra, chưa có đủ cơ sở xác định H và T đồng phạm với T trong lần mua pháo vào ngày 05/01/2020. Số pháo T và H tham gia mua bán trong ngày 03/01/2020 không thu giữ được. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

- **Đối với Lê Phước V:** V là người tham gia cùng với T vào lần mua pháo ngày 03/01/2020, trực tiếp đi cầm cố điện thoại để lấy tiền cho T đi mua pháo vào ngày 04/01/2020 nhưng hiện nay qua xác minh V không có mặt tại địa phương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

- **Đối với người tên N:** Là người đi cùng xe với T đến chỗ mua pháo về xã Ia Lâu trong ngày 03/01/2020. Qua xác minh chưa xác định được N. Do đó, Cơ

quan CSĐT Công an huyện Chư Prông tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

- **Đối với Nguyễn Thanh T và Đặng Ngọc A:** Là những người mua pháo của T. Quá trình điều tra không thu giữ được pháo. Do đó chưa có cơ sở xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

- **Đối với Nguyễn Văn Th:** là người điều khiển xe ô tô chạy dịch vụ chở T đi ra thành phố P mua pháo. Khi đi, T chỉ nói với Th là đi ra phố có việc, ngoài ra không nói đi đâu. Khi xuống mang pháo lên xe thì Th ngồi trên xe. Do đó, Th không biết việc T mua pháo về bán kiếm lời, không biết trong bao tải chứa pháo nên không có căn cứ để xử lý đối với Th.

- **Đối với Tô Văn P:** là người cung cấp số điện thoại của người bán pháo cho T. Tại cơ quan điều tra, P khai nhận lấy số điện thoại từ trên trang facebook mạng xã hội “Gia Lai pháo”, P không biết mục đích T sử dụng số điện thoại trên cũng như không biết việc T mua bán pháo. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với Tô Văn P.

- **Đối với Đoàn Cao S:** là người trực tiếp nhận cầm cố 2 chiếc điện thoại của Triệu Văn H và Lê Phước V, Sơn không biết việc cầm cố lấy tiền để sử dụng mua bán pháo nên không có căn cứ xử lý.

- **Đối với bà Phạm Thị Tr, Lý Văn T, Lý Kim C, Đặng Ngọc A:** Là những người đã cho T mượn tiền để mua pháo, qua xác minh những người này không biết về việc T mục đích sử dụng số tiền trên. Do đó, không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Nguyễn Văn Th:** là người cho T thuê xe ô tô nhãn hiệu Chervolet BKS 77A-033.50 để V điều khiển chở ra thành phố Pleiku mua pháo ngày đêm ngày 03 rạng sáng ngày 04/01/2020. Khi cho thuê xe anh Th không biết T sử dụng xe để đi mua pháo nên không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Đoàn Cao T:** Trường là người được T nhờ chuyển khoản trả số tiền còn thiếu 2.000.000 đồng vào tối ngày 03/01/2020 cho người bán pháo. Khi T nhờ chuyển khoản, anh T không biết mục đích chuyển tiền về việc mua pháo. Do đó, không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Đặng Ngọc A, Nguyễn Huy K, Đoàn Cao S, Nguyễn H Đ:** Là những người đã liên lạc với T hỏi mua pháo. Quá trình điều tra xác định những người này hỏi mua để sử dụng, việc mua bán chưa hoàn thành. Do đó, không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Phan Tại S:** là chủ tài khoản mà người bán pháo cung cấp cho T để thực hiện việc chuyển tiền mua pháo. Quá trình điều tra xác định anh Sơn được một người thanh niên không rõ nhân thân thông qua việc quen biết tại quán internet đề nghị đi mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. S không biết mục đích của việc mở tài khoản trên. Đồng thời, sau khi mở tài khoản S không quản lý sử dụng tài khoản trên. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với S.

- **Đối với ông Nông Văn Nh:** là chủ phòng trọ mà T đang ở tại làng T, xã L, huyện CP. Khi T cùng V, H, T đưa pháo về phòng trọ thì ông N không biết nên không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Nguyễn Quang C:** Là người cất giữ pháo cho A tại thôn K, xã P, khi nhờ cất giữ A chỉ nói cất giữ hộ mai đến lấy thì C cất gọn vào góc nhà, không biết đó là pháo nên không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Mã Thành T, Bùi Văn H:** Là những người đã liên lạc mua pháo từ T. Quá trình điều tra xác định những người này hỏi mua để sử dụng, việc mua bán chưa hoàn thành. Do đó, không có căn cứ xử lý.

- **Đối với Trương Thị Thúy A:** Bùi Văn H khai chỉ giao dịch trao đổi về việc mua pháo với A. Tuy nhiên, việc đặt mua này được V biết và cung cấp lại thông tin đặt hàng cho T. Hiện nay chưa xác minh được Lê Phước V đang ở đâu. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C P tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

[5.] Về vật chứng:

-Quá trình điều tra đã trả lại các vật chứng gồm: 01 chiếc xe ô tô Isuzu màu đen BKS 81K1-0568. Đây là chiếc xe thuộc sở H của anh Nguyễn Văn Th. Quá trình điều tra xác định, anh Th không đồng phạm với T về hành vi mua bán pháo. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông đã trả lại cho chủ sở Hữu theo quy định. Việc xử lý của Công an huyện Chư Prông là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

-Đối với 40 hộp giấy và 196 vật hình trụ trong 8 hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ “**BILLION LIVE KS4-4911L-49SHOTS**” có khối lượng 76,2 kg. Được niêm phong trong 02 thùng giấy các tông có dấu hình tròn nội dung “**PHÒNG KÍ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH GIA LAI**” và các chữ kí ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Thành Long và Huỳnh Văn Tiến. 03 bao tải màu xanh chứa pháo, mỗi bao kích thước (70 x 120)cm. Đây là vật chứng của hành vi buôn bán hàng cấm, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

-Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 có số IMEI 1 là 356646103042842, số IMEI 2 là 356647103042840, kiểu máy SM-A505F/DS màu trắng 64GB, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần tịch thu sung công.

-Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Phước V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S có màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng của Triệu Văn H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông thu giữ từ tiệm điện thoại của anh Đoàn Cao Sơn. Kết quả điều tra không xác định 02 chiếc điện thoại trên được sử dụng vào việc phạm tội, anh Đoàn Cao S không có lỗi khi cầm cố điện thoại nên cần trả lại cho anh Đoàn Cao S là phù hợp.

-Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, bên trong có gắn một thẻ sim, số dãy số trên thẻ sim là 8401,2002,3394,0157 hiệu Mobifone, điện thoại đã qua sử dụng. Điện thoại không biết mật khẩu nên không

mở được số Imei và không kiểm tra bên trong máy. Là tài sản của Nguyễn Văn T. Tuy nhiên bị cáo bị đề nghị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, nên cần phải bảo thủ chiếc điện thoại này để bảo đảm cho việc thi hành án khi quyết định áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với số tiền 9.800.000 đồng mà bị cáo bán pháo ngày 03/01/2020 cho T1 và A. Bị cáo đã tác động và nhờ bạn bè của bị cáo là Nguyễn Thanh T nộp lại tại Chi cục thi hành án theo biên lai số 0001010 ngày 20/4/2022. Đây là số tiền thu lợi bất chính vì vậy cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước.

[6.] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm** tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 11/6/2021. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 05/01/2020 đến ngày 28/8/2020.

Áp dụng khoản 4 Điều 190; Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu tiêu hủy: 40 hộp giấy và 196 vật hình trụ trong 8 hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ “**BILLION LIVE KS4-4911L-49SHOTS**” có khối lượng 76,2 kg. Được niêm phong trong 02 thùng giấy các tông có dấu hình tròn nội dung “**PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH GIA LAI**” và các chữ kí ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Thành Long và Huỳnh Văn Tiến. 03 bao tải màu xanh chứa pháo, mỗi bao kích thước (70 x 120)cm.

-Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 có số IMEI 1 là 356646103042842, số IMEI 2 là 356647103042840, kiểu máy SM-A505F/DS màu trắng 64GB, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.800.000 đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính. Bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, theo biên lai số 0001010 ngày 20/4/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Trả lại cho anh Đoàn Cao S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Phước V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S có màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng của Triệu Văn H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông thu giữ từ tiệm điện thoại của anh Đoàn Cao S.

(Vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai).

Bảo thủ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, bên trong có gắn một thẻ sim, số dãy số trên thẻ sim là 8401,2002,3394,0157 hiệu Mobifone, điện thoại đã qua sử dụng. Điện thoại không biết mật khẩu nên không mở được số Imei và không kiểm tra bên trong máy. Là tài sản của Nguyễn Văn T. Để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Tài sản (Điện thoại) được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/4/2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2022) bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử Pc thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán

(Đã ký)

Ngô Trung Thực

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai,
- VKSND huyện, tỉnh,
- Công an huyện,
- Chi cục THADS huyện,
- Cơ quan thi hành án HS,
- Bị cáo,
- Những người có QL&NVLQ,
- Lưu HSVA.